

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 06/11/2018

V/v tranh chấp Hộ, hội,
biểu phường

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mão

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Văn

2. Bà Phạm Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp Hộ, hội, biểu phường theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 09 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-DS ngày 17/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh V; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, Quảng Trị; có mặt

2. *Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị Q; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, Quảng Trị; có mặt

- Bà Lê Thị T (Tên gọi khác: Lê Thị Thùy T); địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1964); địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt

- Bà Lê Thị G; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1965); địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị D1; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt
- Ông Lê Anh K; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt
- Bà Lê Thị N; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện H, Quảng Trị; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Thanh V trình bày: Thời gian qua có nhiều bà con ở khu vực lân cận thôn Phú Hưng, Hải Phú tự nguyện chung nhau góp vốn, sử dụng tiền nhàn rỗi để góp vốn giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Mỗi tổ tiết kiệm (hụi) triển khai ra đều có biên bản quy chế, quy ước, quy định hoạt động của tổ hoặc lập theo biên bản lập trước đều được các thành viên trong tổ xây dựng và nhất trí ký cam kết, bà con tin tưởng giao cho bà Nguyễn Thị Q làm thư ký tổ hụi. Trong các chân hụi góp vốn từ năm 2015 đến đầu năm 2017, do các thành viên không góp hụi đầy đủ nên đã đối chiếu và chốt nợ, trong đó bà Nguyễn Thị Q còn nợ ông số tiền 11.000.000 đồng; bà Lê Thị T còn nợ 2.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1964) còn nợ 1.815.000 đồng; bà Nguyễn Thị X còn nợ 1.000.000 đồng; bà Lê Thị G còn nợ 1.200.000 đồng; bà Nguyễn Thị D1 còn nợ 2.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1965) còn nợ 14.815.000 đồng; ông Lê Anh K còn nợ 1.000.000 đồng; bà Lê Thị N còn nợ 1.600.000; tổng cộng 36.730.000 đồng. Ông V yêu cầu các ông bà phải trả số tiền góp hụi còn nợ cho ông V. Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Thanh V lần lượt rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các ông bà Lê Thị T, Nguyễn Thị D (sinh năm 1964), Nguyễn Thị X, Lê Thị G, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị D (sinh năm 1965), ông Lê Anh K, bà Lê Thị N; rút lại một phần yêu cầu đối với Nguyễn Thị Q số tiền 6.000.000 đồng, chỉ còn yêu cầu bà Q trả cho ông V số tiền 5.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ viết ngày 17/5/2017. Vì theo giấy cam kết này, trong số tiền nợ ông V 36.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Q đã cam kết trả vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể từ 30/6 đến 30/12 âm lịch năm 2017; riêng 30/12/2017 (âm lịch) trả 6.000.000 đồng. Bà Q đã thực hiện trả nợ đúng hạn từ tháng 6 đến tháng 8 với số tiền là 15.000.000 đồng, mỗi lần nhận tiền ông đều viết giấy biên nhận tiền cho bà Q và bà Q ký vào sổ của ông V. Đến 30/9 ông có viết biên nhận ghi có nhận của bà Q 5.000.000 đồng đưa cho bà Q nhưng bà Q điện thoại xin 10 ngày sau trả tiền, đến ngày 10/10 bà Q trả 5.000.000 đồng ông V cũng đã viết giấy biên nhận cho bà Q và bà Q ký vào sổ ông V trả 5.000.000 đồng vào ngày 30/9; đến ngày 30/10 bà Q tiếp tục trả 5.000.000 đồng, ông V có viết giấy nhận tiền nhưng bà Q vội đi không ký vào sổ của ông V; tổng cộng từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2017 bà Q đã trả cho ông là 25.000.000 đồng, còn nợ lại 11.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tại Tòa án bà Q đã trả thêm cho ông V

số tiền 6.000.000 đồng, vẫn còn nợ lại 5.000.000 đồng, ông yêu cầu bà Q phải trả. Ông Phan Thanh V lý giải vấn đề hai lần ghi giấy nhận tiền cho bà Q vào ngày 30/9 và ngày 10/10 nhưng chỉ nhận tiền một lần là do ông sơ suất nay không có chứng cứ.

Tại phiên tòa, ông Phan Thanh V thay đổi yêu cầu: Yêu cầu ông Lê Anh K phải trả cho ông số nợ tiền hội 1.000.000 đồng, yêu cầu bà Lê Thị G phải trả cho ông số tiền 700.000 đồng.

Tại các bản tự khai ngày 17/5/2017, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày như sau: Từ năm 2015 bà có tham gia việc làm thư ký các tổ hội cho bà con ở vùng lân cận thôn Phú Hưng, xã Hải Phú. Đến đầu năm 2017 do một số bà con không góp hội nữa nên còn nợ nhau tiền hội, trong đó bà có nợ ông Phan Thanh V số tiền hội là 36.000.000 đồng, có viết giấy cam kết trả nợ ngày 17/5/2017, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30/6/2017 (âm lịch). Bà đã trả cho ông V như sau:

- Ngày 29/6/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng
- Ngày 30/7/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng
- Ngày 30/8/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng
- Ngày 30/9/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng
- Ngày 10/10/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng
- Ngày 30/10/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng

Trong tháng 10/2017 bà trả cho ông V 2 đợt, ngày 30/10/2017 (âm lịch) trả theo cam kết trong giấy cam kết trả nợ và riêng ngày 10/10/2017 (âm lịch), sau khi bà nằm viện điều trị bệnh, bà con hàng xóm thăm được một số tiền nên khoảng 9 giờ sáng ngày 10/10/2017 (âm lịch), tức ngày 27/11/2017 dương lịch bà điện thoại ông V vào quán bà và trả cho ông V 5.000.000 đồng, ông V còn cho bà lại 100.000 đồng để bồi dưỡng.

Các lần trả tiền ông V đều viết giấy nhận tiền cho bà Q. Tổng cộng từ tháng 6 đến tháng 10/2017 (âm lịch) bà Q đã trả cho ông V số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án bà đã trả thêm cho ông V số tiền 6.000.000 đồng. Đến nay bà không còn nợ gì ông V nữa nên không chấp nhận yêu cầu đòi nợ tiền hội của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 179, 195, 196, 203, 208, 220 BLTTDS. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn ông Phan Thanh V và bị đơn bà Nguyễn Thị Q cơ bản đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Các bị đơn khác chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của BLTTDS.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa ông Phan Thanh V giữ nguyên ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị T, Nguyễn Thị D (sinh năm 1964), Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị D (sinh năm 1965), bà Lê Thị N; rút lại một phần yêu cầu đối với Nguyễn Thị Q số tiền 6.000.000 đồng vì bà Q đã trả cho ông V nên cần chấp nhận việc rút yêu cầu này.

Ông V yêu cầu bà Q phải trả số nợ tiền hui còn lại là 5.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 17/5/2017, nhưng tại 6 giấy nhận tiền đề ngày 29/6/2017 (âm lịch), 30/7/2017 (âm lịch), 30/8/2017 (âm lịch), 30/9/2017 (âm lịch), 10/10/2017 (âm lịch), 30/10/2017 (âm lịch) thể hiện bà Q đã trả cho ông V 6 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 30.000.000 đồng như lời bà Q trình bày là có căn cứ. Ông V trình bày ông viết hai giấy nhận tiền ngày 30/9/2017 (âm lịch) và ngày 10/10/2017 (âm lịch) nhưng chỉ nhận tiền 1 lần 5.000.000 đồng vào ngày 10/10/2017 là không có căn cứ chứng minh, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này.

Ông V yêu cầu ông Lê Anh K phải trả số nợ tiền hui 1.000.000 đồng, bà Lê Thị G phải trả 700.000 đồng, xét tại hồ sơ ông K, bà G đã có bản tự khai, giấy cam kết trả nợ tiền hui nhưng vẫn chưa trả xong cho ông V nên cần chấp nhận yêu cầu.

Trên cơ sở đó, đề nghị áp dụng Điều 244 BLTTDS, Điều 463, 466 BLDS năm 2015: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phan Thanh V đối với bà Lê Thị T số tiền 2.300.000 đồng, Nguyễn Thị D (sinh năm 1964) số tiền 1.815.000 đồng, Nguyễn Thị X số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị D1 số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị D (sinh năm 1965) 14.815.000 đồng, bà Lê Thị N 1.600.000 đồng; phần yêu cầu đối với Nguyễn Thị Q số tiền 6.000.000 đồng. Không chấp

nhận yêu cầu của ông Phan Thanh V đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả nợ tiền hụi cho ông V số tiền 5.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 17/5/2018. Buộc ông Lê Anh K phải trả cho ông V số nợ tiền hụi 1.000.000 đồng. Buộc bà Lê Thị G phải trả cho ông Phan Thanh V số nợ tiền hụi 700.000 đồng. Ông V, ông K, bà G phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về họ, hụi do ông Phan Thanh V khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Hải Lăng theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và các bị đơn đều được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác theo đúng quy định pháp luật. Các bị đơn bà Lê Thị T, Nguyễn Thị D (sinh năm 1964), Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D (sinh năm 1965), Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Lê Thị G, ông Lê Anh K, bà Nguyễn Thị D1 có đơn, lời khai xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh V: Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Thanh V lần lượt rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị T, Nguyễn Thị D (sinh năm 1964), Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị D (sinh năm 1965), bà Lê Thị N; rút lại một phần yêu cầu đối với Nguyễn Thị Q số tiền 6.000.000 đồng (vì bà Quạt đã trả) và tại phiên tòa ông V giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu này nên cần đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu đã rút.

[4] Đối với việc ông V yêu cầu bà Q phải trả số nợ tiền hụi còn lại là 5.000.000 đồng theo giấy cam kết viết ngày 17/5/2017, HĐXX thấy rằng, các lần bà Q trả tiền ông đều viết giấy biên nhận tiền cho bà Q. Lời khai của bà

Nguyễn Thị Q khai về các lần đã trả tiền vào các ngày 29/6/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng, ngày 30/7/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng, ngày 30/8/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng, ngày 30/9/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng, ngày 10/10/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng, ngày 30/10/2017 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng là phù hợp với các giấy nhận tiền ông V đã viết cho bà và bà đã cung cấp tại Tòa án. Phía ông Phan Thanh V thừa nhận các giấy trả tiền ông đã viết cho bà Q là chữ của ông. Việc ông cho rằng ông đã viết hai giấy cho bà Q vào ngày 30/9/2017 (âm lịch) nhận số tiền 5.000.000 đồng và ngày 10/10/2017 (âm lịch) nhận số tiền 5.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ nhận tiền một lần vào ngày 10/10/2017 là không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, theo các giấy nhận tiền ông V đã viết cho bà Q thì từ 30/6/2017 (âm lịch) đến 30/10/2017 (âm lịch) bà Q đã trả cho ông Vinh 6 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, như bà Q đã trình bày là có căn cứ, bà Q chỉ còn nợ 6.000.000 đồng và đã trả số tiền này. Như vậy bà Q không còn nợ tiền của ông V theo giấy cam kết trả nợ ngày 17/5/2018. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh V yêu cầu bà Q phải trả số tiền 5.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 17/5/2018.

[5] Tại phiên tòa, ông Phan Thanh V thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông Lê Anh K phải trả số nợ tiền hụi là 1.000.000 đồng, yêu cầu bà Lê Thị G phải trả số nợ tiền hụi là 700.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu của ông V không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét tại hồ sơ ông Lê Anh K đã có bản tự khai ngày 18/5/2018 thừa nhận có nợ tiền hụi ông Phan Thanh V 1.000.000 đồng và trình bày khi nào chủ hụi trả nợ cho ông thì ông trả cho ông V. Tại giấy cam kết viết ngày 14/4/2016 bà Lê Thị G có thừa nhận nợ ông Phan Thanh V số nợ tiền hụi là 2.000.000 đồng và cam kết 3 tháng sau sẽ trả. Ông Phan Thanh V thừa nhận quá trình trước khi ông khởi kiện bà G đã trả 800.000 đồng, còn nợ lại 1.200.000 đồng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án này bà G đã trả thêm 500.000 đồng, hiện nay còn nợ 700.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu của ông Phan Thanh V đối với ông K, bà G là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Phan Thanh V phải chịu số tiền án phí DSST đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Ông Lê Anh K, bà Lê Thị G phải chịu án phí DSST đối với số tiền phải trả cho ông V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 244; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Thanh V về yêu cầu trả nợ tiền hui đối với bà Lê Thị T số tiền 2.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1964) số tiền 1.815.000 đồng; bà Nguyễn Thị X số tiền 1.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị D1 số tiền 2.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1965) số tiền 14.815.000 đồng; bà Lê Thị N số tiền 1.600.000; bà Nguyễn Thị Q số tiền 6.000.000 đồng theo giấy cam kết trả tiền ngày 17/5/2017.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh V về yêu cầu bà Nguyễn Thị Q trả cho ông số nợ tiền hui còn lại 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo giấy cam kết trả nợ ngày 17/5/2017.

- Buộc ông Lê Anh K phải trả cho ông Phan Thanh V số nợ tiền hui 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Buộc bà Lê Thị G phải trả cho ông Phan Thanh V số nợ tiền hui 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) theo giấy cam kết ngày 14/4/2016.

Về án phí: Ông Phan Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 918.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0006310 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, ông V được hoàn trả số tiền chênh lệch là 618.000 đồng. Ông Lê Anh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST. Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Hải Lăng;
- Đương sự;
- THADS Hải Lăng;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Mão